

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH A ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 09-7-2019  
V/v ly hôn giữa  
chị N và anh A

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT A  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Ái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Bùi Văn Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thúy N, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 23B, trường Mầm non Phương Hồng, D20-35, khu dân cư Việt Sing, khu phố 4, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố số 4A, thị trấn M, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt anh A, chị N xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17-5-2019, bản tự khai ngày 03-6-2019, nguyên đơn chị Phạm Thị Thúy N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn A đăng ký kết hôn ngày 21-02-2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Hải Hậu, tỉnh A Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ anh A tại tổ dân phố số 4A, thị trấn M. Vợ chồng

chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình, quan điểm sống không hợp nhau nên thường xảy ra xích mích, cãi chửi nhau. Ngoài ra, do kinh tế khó khăn, thời gian chị N sinh con không đi làm được nên anh A thường chửi bới, không tôn trọng chị N. Nhiều lần vợ chồng mâu thuẫn, anh A đã đánh chị N nên chị N phải bế con về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến tháng 10-2016, chị N có xin phép gia đình anh A để chị vào miền A học Trung cấp mầm non. Cuối năm 2016, chị N về nhà chung sống với anh A được khoảng 10 ngày, vợ chồng lại xảy ra xô xát, cãi chửi nhau nên chị N quyết định vào miền A làm ăn. Vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quốc D, sinh ngày 02-10-2014. Thời gian đầu chị N vào Miền Nam thì con ở với anh A, tháng 7-2017, anh A đưa con vào miền A và nói với chị N anh không có thời gian chăm con nên để con lại cho chị chăm sóc từ đó đến nay. Vì vậy, khi ly hôn, chị N xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng vì hiện nay chị N là giáo viên trường Mầm non Phượng Hồng với thu nhập hơn 5.000.000đ/tháng. Chị N đang cho con học tại trường Mầm non Phượng Hồng nơi chị làm việc, hai mẹ con được hỗ trợ chỗ ở tại ký túc xá nhà trường. Từ khi con ở với chị N, con phát triển tốt và khỏe mạnh. Do đó, chị N nhận thấy chị có điều kiện thời gian chăm sóc con chu đáo hơn anh A vì hiện nay anh A đang ở nhà của bố mẹ nhưng bố mẹ anh không ở cùng, nếu con ở với anh thì không có ai hỗ trợ anh A chăm sóc nuôi dưỡng con.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên khi ly hôn chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03-6-2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn A có lời khai phù hợp với lời khai của chị N về thời gian vợ chồng kết hôn, quá trình chung sống. Theo anh A, từ tháng 7-2018 vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong thời gian chị N sống trong miền A, anh A có vào thăm và phát hiện chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Từ đó đến nay, vợ chồng đã sống ly thân và không liên lạc với nhau. Mặc dù anh A đã vào miền A tìm gặp chị N nhiều lần nhưng chị đều trốn tránh. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh A nhận thấy không còn tình cảm với chị N nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh A có lời khai thống nhất với chị N về con chung. Khi ly hôn, anh A có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Hiện nay, anh A đang mở cửa hàng buôn bán và sửa chữa điện thoại di động, thu nhập trung bình khoảng 7.000.000đ/tháng. Anh A cho rằng trong thời gian con

chung ở với anh gần 2 năm thì anh đã dạy cháu rất ngoan ngoãn và béo tốt, cho con đi học tại trường Mầm non thị trấn M là trường thuộc địa bàn nơi anh cư trú nên việc để anh A trực tiếp nuôi dưỡng con sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho con tiếp tục sống bình thường, không bị xáo trộn gây ảnh hưởng tâm lý. Đầu năm 2018, anh A đưa con vào miền A thăm chị N thì chị đã dẫn con bỏ trốn từ đó cho đến nay.

Về tài sản và công nợ: Anh A có lời khai thống nhất với lời khai của chị N về tài sản và công nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Thúy N là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn A là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Hải Hậu, tỉnh A Định đăng ký kết hôn ngày 21-02-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình, quan điểm sống không hợp nhau nên thường xảy ra xích mích, cãi chửi nhau. Ngoài ra, do kinh tế khó khăn, thời gian chị N sinh con không đi làm được nên anh A thường chửi bới, không tôn trọng chị N và có lần anh A còn đánh chị N. Anh A cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do chị N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên hai người đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh A nhất trí.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh A, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh A là trầm trọng, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng anh A và chị N không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Mặt khác, anh A cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn tiếp tục chung sống với chị N. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh A là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị N đối với anh A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quốc D, sinh ngày 02-10-2014, khi ly hôn, chị N và anh A đều đề nghị được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Xét điều kiện hoàn cảnh của chị N và anh A hiện nay thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu D vẫn do chị N nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị N đã cung cấp tài liệu chứng cứ có xác nhận của trường Mầm non Phương Hồng nơi chị làm việc hiện chị là bảo mẫu với mức lương hơn 5.000.000đ/tháng, chỗ ở hiện nay của chị N tại ký túc xá trường Mầm non, cháu D đang học tại lớp Lá 5, tình hình sức khỏe của cháu phát triển tốt và khỏe mạnh. Anh A khai hiện nay anh đang mở cửa hàng buôn bán, sửa chữa điện thoại với mức thu nhập trung bình là 7.000.000đ/tháng. Ngoài ra, anh A cho rằng thời gian trước đây cháu D ở với anh, anh đã cho con đi học tại trường Mầm non thị trấn M là trường thuộc địa bàn nơi anh cư trú nên việc để anh trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho con tiếp tục sống bình thường, không bị xáo trộn gây ảnh hưởng tâm lý nhưng anh A không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

[6] Từ những phân tích trên, cần tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Quốc D cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh A được quyền thăm con chung, không ai được cản trở anh A thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con. Do chị N không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con cho chị nên vấn đề cấp dưỡng Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] *Về tài sản và công nợ*: Chị N và anh A xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Phạm Thị Thúy N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày 02-10-2014 cho chị Phạm Thị Thúy N chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị N và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh A thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị Thúy N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000443 ngày 03-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn M;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Ái**